

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS- ST

Ngày: 22- 5- 2024

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Học và ông Phan Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1997, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Quang Bảo Q, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 29/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 anh Hoàng Quang Bảo Q ở tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình có mượn của chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), anh Q hẹn 04/5/2021 sẽ trả hết số tiền này. Tuy nhiên, đến ngày 19/01/2021, anh Hoàng Quang Bảo Qc tiếp tục mượn thêm của chị H thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nữa. Tổng số tiền anh Q mượn của chị H là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Từ ngày mượn 04/5/2020, anh Q có trả dần cho chị H mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Từ tháng 5/2020 đến tháng 01/2021, anh Q có trả cho chị H tổng cộng 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 60.000.000 đồng từ đó đến nay anh Q không trả cho chị H nữa.

Trong các lần cho anh Q mượn, thì giữa chị H và anh Q có ghi nợ và có ghi thời hạn trả nợ. Do cần tiền để trả nợ cho Ngân hàng nên chị H đến gặp anh Q để yêu cầu anh Q trả tiền, nhưng anh Q khát nợ, rồi sau đó không trả nữa. Thấy anh Q không có động thái, có ý thức trả tiền cho chị H, mặc dù chị H đã nhiều lần đến yêu

cầu anh Q trả nợ. Vì vậy chị H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Q phải trả cho chị H số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi của ngân hàng nhà nước kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Hoàng Quang Bảo Q trình bày qua bản tự khai ngày 29/3/2024, cũng như tại phiên tòa:

Qua trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy H, anh Q nhất trí có vay tiền của chị H, tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng trong các lần đúng như chị H đã trình bày. Từ ngày mượn cho đến trước khi chị H khởi kiện, anh Q đã trả cho chị H 40.000.000 đồng (từ tháng 5/2020 đến tháng 01/2021, mỗi tháng anh Q trả 5.000.000 đồng). Số tiền còn lại là 60.000.000 đồng, vì làm ăn thua lỗ, gặp dịch bệnh, thất nghiệp nên anh Q không có đủ khả năng để tiếp tục trả nợ cho chị H, anh Q đề nghị chị H cho anh Q được trả với phương thức sẽ trả dần hàng tháng (mỗi tháng trả 1.000.000 đồng) cho đến khi hết nợ và đề nghị chị H không tính lãi, vì hiện tại hoàn cảnh gia đình anh Q hết sức khó khăn, không có điều kiện để trả cho chị H một lần. Nếu chị H không nhất trí, anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo giấy vay tiền các ngày 04/5/2020 và ngày 19/01/2021 giữa chị Nguyễn Thị Thúy H với anh Hoàng Quang Bảo Q và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định vào các ngày 04/5/2020 và ngày 19/01/2021, anh Hoàng Quang Bảo Q đã vay của chị H tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thời gian vay lần đầu tiên kể từ ngày 04/5/2020, không tính lãi suất, hợp đồng vay không kỳ hạn và không ghi phương thức trả lãi và số tiền 10.000.000 đồng anh Q vay chị H vào ngày 19/01/2021 cũng không tính lãi suất, hợp đồng vay không kỳ hạn và không ghi phương thức trả lãi nhưng ghi hẹn sẽ trả đủ số tiền trên. Từ ngày mượn, anh Q đã trả cho chị H 40.000.000 đồng (từ tháng 5/2020 đến tháng 01/2021). Còn nợ lại 60.000.000 đồng, nhưng anh Q vẫn trả không đúng như cam kết.

Trong các lần cho anh Q vay mượn, thì giữa chị H và anh Q có ghi nợ và ghi thời hạn trả nợ. Sau khoảng 03 năm, (ngày 27/02/2024) chị H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, để yêu cầu anh Q trả nợ đến ngày khởi kiện được coi là báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý đối với hợp đồng vay không kỳ hạn.

Anh Q trình bày: Do làm ăn thua lỗ, gặp dịch bệnh, thất nghiệp nên anh Q không có đủ khả năng để tiếp tục trả nợ cho chị H, anh đề nghị chị H cho anh Q được trả với phương thức sẽ trả dần hàng tháng (mỗi tháng trả 1.000.000 đồng) cho

đến khi hết nợ và đề nghị chị H không tính lãi, vì hiện tại hoàn cảnh gia đình anh Q hết sức khó khăn, không có điều kiện để trả cho chị H một lần. Nếu chị H không nhất trí, anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hai bên đương sự không thống nhất được số tiền và thời gian trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh Q phải trả nợ cho chị H số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 463, 466, 469, 688 của Bộ luật dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi chậm thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả lãi đối với khoản tiền nợ nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469, 688 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H, buộc bị đơn anh Hoàng Quang Bảo Q có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (22/5/2024) cho đến khi anh Hoàng Quang Bảo Q trả hết tiền nợ, anh Hoàng Quang Bảo Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Quang Bảo Q phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị Nguyễn Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên lai số 0004301 ngày 27/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án,

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

